

Chi tiết mã HS 0201.20.00

Mã HS	0201.20.00
Mô tả hàng hóa	Thịt của động vật họ trâu bò, tươi hoặc ướp lạnh / - Thịt pha có xương khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	31/10/2026 21:45:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/02012000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K115
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N115
Thuế GTGT (VAT)	*5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q115
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA, KR)	0% (trừ LA, KR)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E105
ATIGA	2022	2022	0	AT!E106
ATIGA	2023	2023	0	AT!F106
ATIGA	2024	2024	0	AT!G106
ATIGA	2025	2025	0	AT!H106
ATIGA	2026	2026	0	AT!I106
ATIGA	2027	2027	0	AT!J106
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E108
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F108
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G108

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H108
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I108
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J108
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2.5	VJ!E106
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F106
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G106
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H106
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I106
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J106
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F106
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H105
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F108
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G108
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H108
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I108
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J108
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K108
VKFTA	2022	2022	0	VK!E106
VKFTA	2023	2023	0	VK!F106
VKFTA	2024	2024	0	VK!G106
VKFTA	2025	2025	0	VK!H106
VKFTA	2026	2026	0	VK!I106
VKFTA	2027	2027	0	VK!J106
VCFTA	2022	2022	4	VC!D107
VCFTA	2023	2023	2	VC!E107
VCFTA	2024	2024	0	VC!F107

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G107
VCFTA	2026	2026	0	VC!H107
VCFTA	2027	2027	0	VC!I107
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D108
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E108
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F108
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G108
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H108
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I108
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D107
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E107
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F107
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G107
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H107
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I107
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D105
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E105
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F105
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G105
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H105
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I105
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D107
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E107
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F107
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G107
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H107

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I107
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D107
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E107
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F107
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G107
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H107
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I107
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J107
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D106
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E106
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F106
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G106
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H106
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I106
RCEP B	2022	2022	18	B!D106
RCEP B	2023	2023	16	B!E106
RCEP B	2024	2024	14	B!F106
RCEP B	2025	2025	12	B!G106
RCEP B	2026	2026	10	B!H106
RCEP B	2027	2027	8	B!I106
RCEP C	2022	2022	18	C!D106
RCEP C	2023	2023	16	C!E106
RCEP C	2024	2024	14	C!F106
RCEP C	2025	2025	12	C!G106
RCEP C	2026	2026	10	C!H106
RCEP C	2027	2027	8	C!I106

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D106
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E106
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F106
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G106
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H106
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I106
RCEP E	2022	2022	18	E!D106
RCEP E	2023	2023	16	E!E106
RCEP E	2024	2024	14	E!F106
RCEP E	2025	2025	12	E!G106
RCEP E	2026	2026	10	E!H106
RCEP E	2027	2027	8	E!I106
RCEP F	2022	2022	18	F!D106
RCEP F	2023	2023	16	F!E106
RCEP F	2024	2024	14	F!F106
RCEP F	2025	2025	12	F!G106
RCEP F	2026	2026	10	F!H106
RCEP F	2027	2027	8	F!I106
VIFTA	2024	2024	*	VI!F99
VIFTA	2025	2025	*	VI!G99
VIFTA	2026	2026	*	VI!H99
VIFTA	2027	2027	*	VI!I99

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0201.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0201.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N115), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.